

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	9 – 28

6  
N  
A  
V  
236  
CÔNG  
T  
M TOA  
SM V  
T. T. H

# CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022.

### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Phạm Thuýn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Nhiên	Phó Chủ tịch
Ông Đào Đình Đề	Thành viên
Ông Liu Chien Hung	Thành viên – miễn nhiệm ngày 27/04/2022
Ông Trần Trung Kiên	Thành viên
Bà Vũ Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên – bổ nhiệm ngày 27/04/2022

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Đặng Lê Bích Phượng	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Thùy Liên	Thành viên
Bà Trịnh Thị Ngọc Hương	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đức Nhiên	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phạm Thuýn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Uyên	Phó Tổng Giám đốc

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Đức Nhiên  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 11 tháng 08 năm 2022

Số: 23/2022/SX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai, được lập ngày 11 tháng 08 năm 2022, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

*(Xem tiếp trang sau)*

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đặng Thị Hồng Loan  
Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0425-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2022

*Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>85.742.939.502</b>	<b>62.482.707.578</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>21.208.641.219</b>	<b>12.967.380.648</b>
1. Tiền	111		8.208.641.219	3.967.380.648
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.000.000.000	9.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>37.630.398.062</b>	<b>27.031.563.284</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	24.521.740.373	27.147.975.714
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	13.285.105.290	190.890.694
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	1.846.246.661	1.715.391.138
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(2.022.694.262)	(2.022.694.262)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	4.7	<b>26.903.900.221</b>	<b>22.332.336.616</b>
1. Hàng tồn kho	141		27.239.863.485	22.668.299.880
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(335.963.264)	(335.963.264)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>151.427.030</b>
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	-	151.427.030
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>9.072.522.295</b>	<b>9.885.018.628</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.010.200.000</b>	<b>920.200.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	1.010.200.000	920.200.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.043.322.295</b>	<b>3.860.364.082</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	3.043.322.295	3.860.364.082
Nguyên giá	222		32.469.231.552	32.433.341.552
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.425.909.257)	(28.572.977.470)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>5.019.000.000</b>	<b>5.019.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.2	5.019.000.000	5.019.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>85.454.546</b>
1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.24	-	85.454.546
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>94.815.461.797</b>	<b>72.367.726.206</b>

(Xem tiếp trang sau)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>43.229.125.590</b>	<b>23.962.357.511</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>42.511.435.040</b>	<b>23.244.666.961</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	16.975.550.520	12.989.694.539
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		33.080.566	35.985.883
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	758.983.368	551.947.262
4. Phải trả người lao động	314		3.681.869.169	5.204.342.356
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.11	5.252.177.103	372.834.999
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	61.729.830
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.12	13.399.619.056	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.410.155.258	4.028.132.092
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>717.690.550</b>	<b>717.690.550</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		717.690.550	717.690.550
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>51.586.336.207</b>	<b>48.405.368.695</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.13	<b>51.586.336.207</b>	<b>48.405.368.695</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.182.180.000	15.182.180.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.182.180.000	15.182.180.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.940.617.710	16.940.617.710
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.518.200.000	1.518.200.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.945.338.497	14.764.370.985
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		13.549.796.585	6.294.411.429
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.395.541.912	8.469.959.556
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>94.815.461.797</b>	<b>72.367.726.206</b>



**Nguyễn Đức Nhiên**  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 11 tháng 08 năm 2022

**Huỳnh Thị Thanh Hương**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Bắc Trung**  
Người lập biểu



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 02a - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.15	72.629.261.351	73.022.192.172
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	4.16	8.110.865.575	7.379.894.767
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		64.518.395.776	65.642.297.405
4. Giá vốn hàng bán	11	4.17	46.148.038.556	45.802.630.477
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.370.357.220	19.839.666.928
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		121.921.316	92.122.584
7. Chi phí tài chính	22	4.18	1.565.420.414	1.321.621.796
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		114.270.094	-
9. Chi phí bán hàng	25	4.19	5.221.650.180	6.942.359.280
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.20	6.999.339.876	7.311.643.775
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.705.868.066	4.356.164.661
12. Thu nhập khác	31	4.21	1.171.910.014	1.360.802.709
13. Chi phí khác	32		243.182.691	295.788.705
14. Lợi nhuận khác	40		928.727.323	1.065.014.004
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.634.595.389	5.421.178.665
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.23	1.153.598.931	1.706.501.042
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	4.24	85.454.546	(594.579.229)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.395.541.912	4.309.256.852
19. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	4.13.4	2.374	2.327



Nguyễn Đức Nhiên

Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 11 tháng 08 năm 2022

Huỳnh Thị Thanh Hương

Kế toán trưởng

Nguyễn Bắc Trung

Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		<b>5.634.595.389</b>	<b>5.421.178.665</b>
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.22	884.931.787	947.611.369
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(158.284.952)	(90.026.428)
Chi phí lãi vay	06	4.18	114.270.094	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>6.475.512.318</b>	<b>6.278.763.606</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(10.688.834.778)	(4.476.028.306)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.571.563.605)	(5.750.835.975)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		7.384.518.390	8.042.796.559
Tiền lãi vay đã trả	14		(114.270.094)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(901.564.434)	(1.586.304.254)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.617.976.834)	(1.184.610.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(4.034.179.037)</b>	<b>1.323.781.630</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(67.890.000)	(1.139.140.700)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		36.363.636	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		121.921.316	90.026.428
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>90.394.952</b>	<b>(1.049.114.272)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.25	13.399.619.056	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36	4.13.1	(1.214.574.400)	(4.554.654.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>12.185.044.656</b>	<b>(4.554.654.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>		<b>8.241.260.571</b>	<b>(4.279.986.642)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		12.967.380.648	11.088.434.840
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	4.1	<b>21.208.641.219</b>	<b>6.808.448.198</b>



Nguyễn Đức Nhiên  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 11 tháng 08 năm 2022

Huỳnh Thị Thanh Hương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Bắc Trung  
Người lập biểu

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là nhà máy Sơn Đồng Nai là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghiệp Đồng Nai. Ngày 13 tháng 12 năm 1999, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600451024 ngày 01 tháng 03 năm 2000 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 04 năm 2020 để thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 15.182.180.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 7, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 196 (01 tháng 01 năm 2022 là: 205).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất công nghiệp.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh sản phẩm về sơn, keo;
- Xuất nhập khẩu, nguyên liệu và sản phẩm liên quan đến sơn và keo;
- Dịch vụ thi công về sơn; và
- Xây dựng nhà các loại và các công trình kỹ thuật dân dụng khác.

**1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 gồm:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Bắc Ninh	Khu công nghiệp Yên Phong, xã Long Châu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2021.

**4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền mặt	782.687.846	519.399.570
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.425.953.373	3.447.981.078
Các khoản tương đương tiền (*)	13.000.000.000	9.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>21.208.641.219</b>	<b>12.967.380.648</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 3,0% đến 3,5%.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2022			Tại ngày 01/01/2022		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty CP Sonadezi Châu Đức	4.200.000.000	-	18.900.000.000 (1)	4.200.000.000	-	28.560.000.000
Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch	819.000.000	-	- (2)	819.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.019.000.000</b>	<b>-</b>	<b>18.900.000.000</b>	<b>5.019.000.000</b>	<b>-</b>	<b>28.560.000.000</b>

(1) Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Sonadezi Châu Đức trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán HOSE và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ tại ngày 30/06/2022.

(2) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Sương Sơn	2.173.959.458		1.627.846.149	
Công ty TNHH Đầu tư thương mại Sơn Việt Mỹ	2.151.782.485		-	
Các khách hàng khác (*)	20.195.998.430		25.520.129.565	
<b>Cộng</b>	<b>24.521.740.373</b>		<b>27.147.975.714</b>	

(\*) Tại ngày 30/6/2022, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hố Nai	12.763.319.310	-
Các nhà cung cấp khác	521.785.980	190.890.694
<b>Cộng</b>	<b>13.285.105.290</b>	<b>190.890.694</b>

**4.5. Phải thu khác**

	Tại ngày 30/06/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu người lao động	200.037.074	-	107.853.414	-
Phải thu khác Công ty TNHH PPG Việt Nam	1.415.789.412	-	1.522.715.407	-
Phải thu khác	230.420.175	-	84.822.317	-
<b>Cộng</b>	<b>1.846.246.661</b>	<b>-</b>	<b>1.715.391.138</b>	<b>-</b>
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	1.010.200.000	-	920.200.000	-

**4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	2.022.694.262	-	2.022.694.262	-

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2022 VND			Tại ngày 01/01/2022 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Cửa hàng Nguyễn Văn San	1.096.000.000	-	Trên 3 năm	1.096.000.000	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH TM & XD Minh Khôi	367.017.470	-	Trên 3 năm	367.017.470	-	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	559.676.792	-	Trên 3 năm	559.676.792	-	Trên 3 năm
<b>Cộng</b>	<b>2.022.694.262</b>	<b>-</b>		<b>2.022.694.262</b>	<b>-</b>	
<b>4.7. Hàng tồn kho</b>						
	Tại ngày 30/06/2022 VND			Tại ngày 01/01/2022 VND		
	Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng	
Nguyên liệu, vật liệu	10.995.899.196	(189.481.343)		10.578.598.544	(189.481.343)	
Công cụ, dụng cụ	485.501.538	-		601.430.095	-	
Bán thành phẩm	711.875.340	-		491.188.894	-	
Thành phẩm	15.044.721.372	(146.481.921)		10.995.820.043	(146.481.921)	
Hàng hóa	1.866.039	-		1.262.304	-	
<b>Cộng</b>	<b>27.239.863.485</b>	<b>(335.963.264)</b>		<b>22.668.299.880</b>	<b>(335.963.264)</b>	

Toàn bộ giá trị hàng tồn kho tại ngày 30/06/2022 đã được dùng để thế chấp bảo đảm các khoản vay ngân hàng – Xem thêm Mục 4.12.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2022	7.953.820.577	16.694.704.876	7.652.555.554	132.260.545	32.433.341.552
Mua trong kỳ	-	67.890.000	-	-	67.890.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(32.000.000)	-	(32.000.000)
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>7.953.820.577</b>	<b>16.762.594.876</b>	<b>7.620.555.554</b>	<b>132.260.545</b>	<b>32.469.231.552</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2022	7.324.407.890	14.849.135.392	6.267.173.643	132.260.545	28.572.977.470
Khấu hao trong kỳ	114.438.678	565.129.759	205.363.350	-	884.931.787
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(32.000.000)	-	(32.000.000)
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>7.438.846.568</b>	<b>15.414.265.151</b>	<b>6.440.536.993</b>	<b>132.260.545</b>	<b>29.425.909.257</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2022	629.412.687	1.845.569.484	1.385.381.911	-	3.860.364.082
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>514.974.009</b>	<b>1.348.329.725</b>	<b>1.180.018.561</b>	<b>-</b>	<b>3.043.322.295</b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 22.190.306.675 VND, trong đó TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết có nguyên giá là 7.236.492.095 VND đã được cầm cố thế chấp cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.12



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Việt Ân Thái Bình Dương	2.083.026.000	2.083.026.000	1.087.460.000	1.087.460.000
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	14.892.524.520	14.892.524.520	11.902.234.539	11.902.234.539
<b>Cộng</b>	<b><u>16.975.550.520</u></b>	<b><u>16.975.550.520</u></b>	<b><u>12.989.694.539</u></b>	<b><u>12.989.694.539</u></b>

(\*) Tại ngày 30/06/2022, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng dưới 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2022		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2022	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	502.596.259	3.260.078.468	3.138.183.977	-	380.701.768
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	100.607.467	1.153.598.931	901.564.434	151.427.030	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	155.779.642	326.758.119	342.223.971	-	171.245.494
Thuế môn bài	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>758.983.368</b>	<b>4.744.435.518</b>	<b>4.385.972.382</b>	<b>151.427.030</b>	<b>551.947.262</b>

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.11. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>Tại ngày 30/06/2022 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2022 VND</b>
Trích trước chiết khấu bán hàng	2.822.000.000	95.551.000
Chi phí chương trình khuyến mãi phải trả	330.000.000	-
Chi phí trang phục cho CB.CNV phải trả	795.000.000	-
Trích trước chi phí quảng cáo	680.000.000	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	625.177.103	277.283.999
<b>Cộng</b>	<b>5.252.177.103</b>	<b>372.834.999</b>

**4.12. Vay ngắn hạn**

Vay ngắn hạn là khoản vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Biên, thời hạn vay không quá 05 tháng, hạn mức tín dụng 20 tỷ VND, lãi suất theo từng giấy nhận nợ, bình quân là 7,5%/năm. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động và phục vụ sản xuất kinh doanh, được đảm bảo bằng các tài sản sau:

- Máy móc, thiết bị theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/SĐN/2011/HĐTC ngày 01/06/2011 – Xem thêm Mục 4.8
- Nhà máy sản xuất sản phẩm sơn các loại theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 02/SĐN/2010/HĐTC ngày 25/05/2010 - Xem thêm Mục 4.8.
- Toàn bộ hàng tồn kho trị giá tối thiểu là 10 tỷ đồng theo Hợp đồng bảo đảm bằng hàng hoá số 03/SĐN/2012/HĐBĐ ngày 20/07/2012 - Xem thêm Mục 4.7.

*(Xem tiếp trang sau)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.13. Vốn chủ sở hữu****4.13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	VND	
Số dư tại ngày 01/01/2021	15.182.180.000	14.986.402.645	1.518.200.000	10.849.065.429	42.535.848.074	
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	4.309.256.852	4.309.256.852	
Chia cổ tức	-	-	-	(4.554.654.000)	(4.554.654.000)	
Số dư tại ngày 30/06/2021	15.182.180.000	14.986.402.645	1.518.200.000	10.603.668.281	42.290.450.926	
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	8.718.843.578	8.718.843.578	
Trích quỹ ĐTPT năm 2021	-	1.954.215.065	-	(1.954.215.065)	-	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021	-	-	-	(2.603.925.809)	(2.603.925.809)	
Số dư tại ngày 01/01/2022	15.182.180.000	16.940.617.710	1.518.200.000	14.764.370.985	48.405.368.695	
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	4.395.541.912	4.395.541.912	
Chia cổ tức	-	-	-	(1.214.574.400)	(1.214.574.400)	
<b>Số dư tại ngày 30/06/2022</b>	<b>15.182.180.000</b>	<b>16.940.617.710</b>	<b>1.518.200.000</b>	<b>17.945.338.497</b>	<b>51.586.336.207</b>	

(Xem tiếp trang sau)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.13.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Vốn góp của Nhà nước	4.555.440.000	4.555.440.000
Vốn góp của các đối tượng khác	10.626.740.000	10.626.740.000
<b>Cộng</b>	<b>15.182.180.000</b>	<b>15.182.180.000</b>

**4.13.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	1.518.218	1.518.218
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	1.518.218	1.518.218
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	1.518.218	1.518.218

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

**4.13.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.395.541.912	4.309.256.852
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(791.197.544)	(775.666.233)
Lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	3.604.344.368	3.533.590.619
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	1.518.218	1.518.218
<b>Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.374</b>	<b>2.327</b>

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty ước tính số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo tỷ lệ 18% theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/NG-ĐHCĐ2022, ngày 27 tháng 04 năm 2022.

**4.14. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Xóa sổ theo NQ HĐQT ngày 31/07/2012	260.051.215	260.051.215
Xóa sổ theo NQ HĐQT ngày 23/07/2013	333.886.504	333.886.504
Xóa sổ theo NQ HĐQT ngày 31/07/2015	1.111.934.750	1.111.934.750

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.15. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Là doanh thu bán sơn các loại và gia công sơn phát sinh trong kỳ.

**4.16. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chiết khấu thương mại	7.072.011.365	7.061.639.437
Hàng bán bị trả lại	1.038.854.210	318.255.330
<b>Cộng</b>	<b><u>8.110.865.575</u></b>	<b><u>7.379.894.767</u></b>

**4.17. Giá vốn hàng bán**

Là giá vốn của sơn các loại đã bán và gia công sơn phát sinh trong kỳ.

**4.18. Chi phí tài chính**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí lãi vay	114.270.094	-
Chiết khấu thanh toán	1.446.519.230	1.321.621.796
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.631.090	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.565.420.414</u></b>	<b><u>1.321.621.796</u></b>

**4.19. Chi phí bán hàng**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí vật liệu, bao bì	679.940.529	478.996.965
Chi phí khấu hao TSCĐ	103.954.698	154.852.449
Chi phí hoạt động xúc tiến thương mại	2.873.966.433	4.778.615.132
Chi phí dịch vụ mua ngoài	222.287.633	266.441.598
Chi phí bằng tiền khác	1.341.500.887	1.263.453.136
<b>Cộng</b>	<b><u>5.221.650.180</u></b>	<b><u>6.942.359.280</u></b>

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.20. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lương nhân viên quản lý	4.170.201.642	4.274.002.502
Chi phí vật liệu quản lý	326.392.778	220.865.364
Chi phí đồ dùng văn phòng	69.986.949	126.324.676
Chi phí khấu hao TSCĐ	148.251.522	62.858.340
Thuế, phí và lệ phí	74.479.629	81.924.238
Chi phí dịch vụ mua ngoài	289.678.352	436.025.949
Chi phí khác bằng tiền	1.920.349.004	2.109.642.706
<b>Cộng</b>	<b>6.999.339.876</b>	<b>7.311.643.775</b>

**4.21. Thu nhập khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập từ cho thuê và quản lý kho	764.328.000	775.601.000
Thu nhập từ bán dung môi vệ sinh	58.320.000	126.360.000
Thu nhập từ xử lý vật tư, hàng hóa thừa	236.478.269	320.271.639
Lãi thanh lý TSCĐ	36.363.636	-
Thu nhập khác	76.420.109	138.570.070
<b>Cộng</b>	<b>1.171.910.014</b>	<b>1.360.802.709</b>

**4.22. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.780.105.349	32.471.304.249
Chi phí nhân công	17.084.404.765	16.275.354.188
Chi phí khấu hao tài sản cố định	884.931.787	947.611.369
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.547.448.701	7.790.400.199
Chi phí khác bằng tiền	3.342.329.520	5.504.143.241
<b>Cộng</b>	<b>62.639.220.122</b>	<b>62.988.813.246</b>

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	5.634.595.389	5.421.178.665
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	231.135.699	4.262.830.400
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(427.272.728)	(1.151.503.855)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	5.438.458.360	8.532.505.210
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	1.087.691.672	1.706.501.042
Truy thu thuế TNDN năm 2017 theo Quyết định 141/QĐ-CTDON ngày 27/01/2022	65.907.259	-
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ</b>	<b>1.153.598.931</b>	<b>1.706.501.042</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như: chi phí không hợp lý, hợp lệ, không hóa đơn, chứng từ; chi phí trích trước đến kỳ hạn vẫn chi không hết...

**4.24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Công ty và những biến động trong kỳ và năm trước được trình bày như sau:

	Chi phí trả trước VND
Tại ngày 01/01/2021	(230.300.771)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	144.846.225
Tại ngày 01/01/2022	(85.454.546)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh kỳ này	85.454.546
Tại ngày 30/06/2022	-

**4.25. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	13.399.619.056	-

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.26. Báo cáo bộ phận**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Sản xuất sơn các loại;
- Gia công sơn.

**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022:**

	Sản xuất sơn các loại		Gia công sơn		Tổng cộng	
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Doanh thu thuần</b>						
Từ khách hàng bên ngoài	44.491.072.420	44.384.310.234	20.027.323.356	21.257.987.171	64.518.395.776	65.642.297.405
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>						
Kết quả của bộ phận	2.700.893.273	153.812.707	3.448.473.891	5.431.851.166	6.149.367.164	5.585.663.873
Doanh thu tài chính					121.921.316	92.122.584
Chi phí tài chính					(1.565.420.414)	(1.321.621.796)
Thu nhập khác					1.171.910.014	1.360.802.709
Chi phí khác					(243.182.691)	(295.788.705)
Lợi nhuận trước thuế					5.634.595.389	5.421.178.665
Thuế thu nhập doanh nghiệp					(1.239.053.477)	(1.111.921.813)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>					<b>4.395.541.912</b>	<b>4.309.256.852</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****Các thông tin khác**

	Sản xuất sơn các loại		Gia công sơn		Tổng cộng	
	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tài sản của bộ phận	60.791.078.725	41.930.006.046	6.339.815.588	10.677.170.149	67.130.894.313	52.607.176.195
Tài sản không phân bổ					27.684.567.484	19.760.550.011
<b>Tổng tài sản</b>					<b>94.815.461.797</b>	<b>72.367.726.206</b>

	Sản xuất sơn các loại		Gia công sơn		Tổng cộng	
	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Nợ phải trả của bộ phận	30.408.250.142	13.087.410.252	-	-	30.408.250.142	13.087.410.252
Nợ phải trả không phân bổ					12.820.875.448	10.874.947.259
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>43.229.125.590</b>	<b>23.962.357.511</b>

	Sản xuất sơn các loại		Gia công sơn		Tổng cộng	
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí mua sắm tài sản trong kỳ	67.890.000	-	-	-	67.890.000	-
Chi phí khấu hao trong kỳ	772.173.184	807.317.655	112.758.603	140.293.714	884.931.787	947.611.379

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.27. Thông tin về các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- |   |                                 |
|---|---------------------------------|
| 1. Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp (Sonadezi) | Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể |
| 2. Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi                | Công ty trong cùng tập đoàn     |
| 3. Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi                   | Công ty trong cùng tập đoàn     |
| 4. Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai                  | Công ty trong cùng tập đoàn     |
| 5. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc                          | Nhân sự quản lý chủ chốt        |

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Mua hàng, nhận dịch vụ:		
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp (Sonadezi)	256.535.602	256.792.820
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	24.120.000	18.200.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	28.445.954	32.927.160
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	36.817.146	34.629.156
<b>Cộng</b>	<b><u>345.918.702</u></b>	<b><u>342.549.136</u></b>
	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Trả cổ tức:		
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp (Sonadezi)	364.435.200	1.366.632.000

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

**Thù lao và thu nhập:**

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Nguyễn Phạm Thuýn	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó TGD	323.259.000	287.257.000
Nguyễn Đức Nhiên	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	337.375.000	308.617.000
Liu Chien Hung	Thành viên HĐQT – miễn nhiệm ngày 27/04/2022	53.864.000	51.664.000
Huỳnh Nguyễn Thanh Uyên	Thành viên HĐQT	221.847.000	224.677.000
Đào Đình Đe	Thành viên HĐQT	67.196.000	51.664.000
Trần Trung Kiên	Thành viên HĐQT	67.196.000	51.664.000
Vũ Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên HĐQT – bổ nhiệm ngày 27/04/2022	13.332.000	-
<b>Cộng</b>		<b>1.084.069.000</b>	<b>975.543.000</b>

**Cổ tức đã trả:**

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Nguyễn Phạm Thuýn	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó TGD	3.200.000	12.000.000
Nguyễn Đức Nhiên	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	5.280.000	19.800.000
Liu Chien Hung	Thành viên HĐQT – miễn nhiệm ngày 27/04/2022	119.482.400	448.059.000
Đào Đình Đe	Thành viên HĐQT	65.107.200	244.152.000
Vũ Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên HĐQT – bổ nhiệm ngày 27/04/2022	1.360.000	-
<b>Cộng</b>		<b>194.429.600</b>	<b>724.011.000</b>

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.28. Thu nhập Ban kiểm soát**

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Bà Đặng Lê Bích Phượng	Trưởng Ban Kiểm soát	67.196.000	51.664.000
Bà Bùi Thị Thuỳ Liên	Thành viên	40.298.000	32.032.000
Bà Trịnh Thị Ngọc Hương	Thành viên	40.298.000	27.332.000
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên – Miễn nhiệm ngày 10/04/2020	-	4.700.000
<b>Cộng</b>		<b>147.792.000</b>	<b>115.728.000</b>

**4.29. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động**

Công ty thuê đất và nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 48 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	256.535.602	256.792.820

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2022 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2022 VND</u>
Từ 1 năm trở xuống	256.535.602	247.339.716
Trên 1 năm đến 5 năm	733.517.580	686.252.061
Trên 5 năm	3.080.773.836	3.019.509.068
<b>Cộng</b>	<b>4.070.827.018</b>	<b>3.953.100.846</b>

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.30. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù chưa tác động tiêu cực về mặt tài chính cho Công ty đến ngày 30/6/2022 nhưng Công ty cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 30/6/2022 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những giai đoạn tài chính sắp tới.



  
Nguyễn Đức Nhiên  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 11 tháng 08 năm 2022

  
Huỳnh Thị Thanh Hương  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Bắc Trung  
Người lập